

Bản án số: 52/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 11-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hà; ông Nguyễn Văn Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lô Thị T** - Sinh năm 1998 - HKTT: **Thôn H, xã G, huyện L, tỉnh Thanh Hóa** - Nơi ở hiện tại: **Số D, tổ A, khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ** - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hoàng Ngọc Q** - Sinh năm 1994 - Địa chỉ: **Số nhà G tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** - Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Lô Thị T** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Hoàng Ngọc Q** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 06/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **Q** không chăm chỉ làm ăn, hay đánh đập vợ. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh **Q** theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chị có 01 con chung là **Hoàng Gia B** – sinh ngày 29/01/2017. Chị yêu cầu giao con cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, vì chị đi làm ăn xa nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Về mức cấp dưỡng: Tại đơn khởi

kiện, chị đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng, nhưng tại bản tự khai chị đề nghị là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu **B** trưởng thành.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh **Q** đã biết được chị **T** khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lô Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **Hoàng Ngọc Q**. Về con: Giao cháu **Hoàng Gia B** – sinh ngày 29/01/2017 cho anh **Q** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Lô Thị T** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Hoàng Ngọc Q** có địa chỉ ở **thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh **Hoàng Ngọc Q** biết việc chị **Lô Thị T** xin ly hôn anh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh **Q** vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 27/8/2024, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh **Q** vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị **T** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh **Q** vẫn vắng mặt không có lý do, nên theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt cả chị **T** và anh **Q**.

[2] Về hôn nhân:

Chị **Lô Thị T** và anh **Hoàng Ngọc Q** kết hôn ngày 06/3/2017, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như

vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do anh Q không chăm chỉ làm ăn, hay đánh đập vợ. Chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn.

HĐXX xét thấy, chị T và anh Q có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì, chứng tỏ anh Q không mong muốn đoàn tụ. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 10/7/2024, đại diện tiểu khu B, thị trấn N cho biết: Chị T và anh Q sau khi kết hôn chung sống tại nhà anh Q, thời gian đó anh Q và chị T đều đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà. Đến cuối năm 2021 đến nay không thấy chị T trở về nhà chồng.

Như thế chứng tỏ cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Hoàng Gia B – sinh ngày 29/01/2017, chị T yêu cầu giao con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX thấy, từ khi chị T và anh Q sống ly thân nhau đến nay cháu ở với anh Q, mặt khác, cháu có nguyện vọng được ở với bố, nên xử giao cháu B cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng, anh Q không có ý kiến gì. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, nên cần buộc chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu B thành niên là phù hợp

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Lô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lô Thị T, cho chị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc Q.

2. Về con: Giao cháu Hoàng Gia B – sinh ngày 29/01/2017 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (hai

triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2024 cho đến khi cháu **B** thành niên. Chị **T** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Lô Thị T** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005375 ngày 03/7/2024 của **Chi cục THADS huyện N**; chị **T** còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **T** và anh **Q** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy